TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 558/2023/HS-ST
Ngày: 27/11/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.
Thẩm phán: Bà **Nguyễn Bích Ngân**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Vũ Lâm**
Bà **Bùi Thị Thu Giang**
Bà **Vũ Thị Cự**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 529/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 633/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Bị cáo: **HÀ THỊ N1**, *(tên gọi khác Nguyễn Thị V)*, sinh năm: 1980; Tại: Gia Lai; Nơi ĐKHKTT: Số C, ngõ E Q, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hà Ngọc L (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị A; Có chồng: Nguyễn Quang D (đã ly hôn), chồng thứ 2: Trần Ngọc H. Có 03 con, con lớn nhất sinh 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 13/12/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị H1, Văn phòng L3, Đoàn luật sư T10, *(Có mặt).*

Bị hại:

1. Chị **Vũ Ngọc L1**, sinh năm: 1981; HKTT: Số nhà 11 ngách 106/6 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Nơi ở: Số ....., phường .....,quận Đống Đa, TP. Hà Nội *(Vắng mặt).*

2. Chị **Nguyễn Phương T**, sinh năm: 1978, trú tại: số .., phường T, quận Đ, TP Hà Nội *(Vắng mặt).*

3. Chị **Đỗ Thùy D1**, sinh năm: 1990, HKTT: Số ..., phường C, quận Đ, TP .. Nơi ở: số B ngõ B N, phường N, quận L, Hà Nội *(Vắng mặt).*

4. Chị **Đỗ Thị Khánh V1**, sinh năm: 1975, trú tại: Nhà ....., phường M, quận N, TP .; Hiện ở: 2 L, phường G, quận G, TP . *(Vắng mặt).*

5. Anh **Diêm Minh Đ**, sinh năm: 1983, trú tại: Số ....., phường T, quận T, Hà Nội, *(Vắng mặt).*

6. Anh **Đỗ Đức N**, sinh năm: 1991, HKTT: 109 B1 Tập thể G, phường G, quận B, TP .. Hiện trú tại: ....., phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh, *(Vắng mặt).*

7. Anh **Nguyễn Hoàng T1**, sinh năm: 1988, HKTT và trú tại: Số D ngõ D V, phường T, H, Hà Nội *(có mặt)*.

Người tham gia tố tụng khác:

1. Anh **Nguyễn Hoàng L2**, sinh năm: 1989, HKTT: chỗ ở: số A ngõ C phố L, phường T, quận H, TP Hà Nội; 107B Tôn Đức T2, TP . (*theo đơn tố cáo - Vắng mặt).*

2. Anh **Hoàng L2,** sinh năm: 1977, HKTT tại số B, Tổ B T, phường D, quận C, TP Hà Nội - theo đơn trình báo *(Vắng mặt).*

3. Anh **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm: 1968; HKTT: 269 phố B, quận H, TP .; trú tại: Số B ngõ G, phường B, quận H, TP Hà Nội *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 11/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H nhận được đơn của anh Nguyễn Hoàng L2 (theo đơn tố cáo sinh năm: 1989, trú tại: số A ngõ C phố L, phường T, quận H, TP Hà Nội) cùng nhiều cá nhân khác tố cáo Hà Thị N1 có hành vi nhận tiền đặt mua các mặt hàng công nghệ điện tử của hãng A2 như: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook, phụ kiện điện tử,… hoặc vay tiền của họ, sau đó N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả hàng và chiếm đoạt tiền.

Do Hà Thị N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, ngày 12/4/2012 Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H ra Quyết định truy nã số 54 đối với bị cáo Hà Thị N1, về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 13/12/2022, Hà Thị N1 bị bắt theo quyết định truy nã tại Công an phường P, TP N, tỉnh Khánh Hòa.

Quá trình điều tra xác định:

Năm 2010, Hà Thị N1 là chủ cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ em "Shop Nhím Bông", địa chỉ tại Số B phố Đ, phường Đ, quận B, TP Hà Nội. Đăng ký kinh doanh quần áo, không có đăng ký kinh doanh hàng điện tử.

Khoảng đầu năm 2011, N1 giới thiệu với những người quen về bản thân N1 có thể nhập hàng công nghệ điện tử của hãng A2 từ nước ngoài về Việt Nam với số lượng lớn, giá rẻ hơn giá thị trường gồm các sản phẩm như: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook, phụ kiện điện tử,....để nhận tiền đặt mua hàng hoặc vay tiền của nhiều người để kinh doanh, nhưng đến ngày 27/10/2011 N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả hàng cũng như không trả lại tiền cho họ. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 11/2011, Hà Thị N1 đã chiếm đoạt tiền của 10 người bị hại với tổng số tiền là 17.575.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt 1.829.000.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng L2 (sinh năm: 1989, HKTT: chỗ ở: số A ngõ C phố L, phường T, quận H, TP Hà Nội; A T, TP .. CMT số 012635869 do Công an T cấp ngày 20/8/2003 theo đơn tố cáo).

Khoảng tháng 4/2011, thông qua mối quan hệ xã hội, anh Nguyễn Hoàng L2 quen với Hà Thị N1 là chủ cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ em "Shop Nhím Bông" tại số B phố Đ, quận B, TP Hà Nội. Ngoài ra, N1 còn nhập các đơn hàng công nghệ điện tử của hãng A2 như: điện thoại di động Iphone 4, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook,...từ Hồ N, Trung Quốc về Việt Nam để bán với giá rẻ hơn so với giá thị trường từ 500.000đồng – 700.000đồng/chiếc và N1 có uy tín trong kinh doanh. Từ tháng 4/2011 đến đầu tháng 9/2011, anh L2 đã nhiều lần chuyển tiền cho N1 để đặt mua hàng công nghệ điện tử của hãng A2, theo hình thức đặt tiền cho N1 là 50%/tổng giá trị đơn hàng, sau khoảng từ 05 - 07 ngày, N1 trả đủ hàng, anh L2 sẽ thanh toán 50% số tiền còn lại.

Khoảng giữa tháng 9/2011 (không nhớ ngày cụ thể), anh L2 đã 02 lần chuyển tiền cho Hà Thị N1 với tổng số là 1.679.000.000 đồng (không có giấy tờ) để đặt hàng mua điện thoại di động Iphone 4, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook và hẹn sau 03 ngày N1 sẽ trả đủ hàng. Đến hạn, N1 không trả hàng cho anh L2 và xin khất hẹn trả với nhiều lý do như vận chuyển, thủ tục nhập hàng bị chậm, khó khăn.

Ngày 23/10/2011, lo việc N1 chậm trả hàng như đã hứa hẹn, anh L2 hẹn gặp N1 yêu cầu viết Giấy vay tiền đề ngày 23/10/2011 (nội dung ghi: *N1 vay 785.000.000 đồng của anh L2, không có lãi hẹn sau ngày 26/10/2011 sẽ hoàn trả đủ tiền hoặc bằng 48 chiếc điện thoại Iphone 4S.16G – Nga ký tên Người vay*); Đến ngày 24/10/2011, N1 viết tiếp Giấy biên nhận đặt hàng đề ngày 24/10/2011 (nội dung xác nhận: *Nga nhận của anh L2 số tiền 894.000.000 đồng đặt hàng mua 37 Iphone, 20 Macbook và 42 Ipad các loại, hẹn đến ngày 26/10/2011 nếu N1 không trả hàng sẽ hoàn trả lại tiền - Nga ký nhận*). Ngoài ra, trong tháng 10/2011, anh L2 còn cho Hà Thị N1 vay 150.000.000 đồng (không nhớ ngày cụ thể và không có giấy tờ).

Tổng cộng, Hà Thị N1 đã nhận của anh L2 số tiền 1.829.000.000 đồng, đến nay chưa trả.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Giấy vay tiền đề ngày 23/10/2011 so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra ban đầu trước khi khởi tố vụ án, anh Nguyễn Hoàng L2 yêu cầu Hà Thị N1 phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.829.000.000 đồng. Đến ngày 18/7/2023, cơ quan điều tra xác minh hiện anh L2 không có mặt tại nơi cư trú, không rõ ở đâu, làm gì.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai: Khoảng năm 2011, N1 đã nhiều lần nhận tiền của anh Nguyễn Hoàng L2 và 09 người quen biết khác để đặt mua hàng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 và Iphone 4S, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook các loại, loa,...của hãng A2 nhập từ Hồ N về Việt Nam, hoặc vay tiền với lãi suất thỏa thuận từ 8 – 15%/tháng để nhập hàng. Quá trình kinh doanh nhập hàng, N1 đã nhiều lần chuyển tiền cho người đàn ông tên "T3" (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nhập hàng và trả hàng cho họ đầy đủ và đúng hạn. **Đến khoảng cuối tháng 10/2011**, do giá nhập hàng về cao, N1 làm ăn kinh doanh thua lỗ, không có tiền để trả cho các bị hại, nên ngày 27/10/2011 N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, vào nhà mẹ đẻ tại TP P, tỉnh Gia Lai ở được khoảng 02 tháng. Sau đó có nhiều người đến tìm gặp N1 đòi lại tiền nên N1 tiếp tục bỏ trốn vào thành phố N, tỉnh Khánh Hòa sinh sống từ đó cho đến nay, làm công việc rửa bát thuê cho các quán cơm và thuê trọ ở nhiều nơi, không có nơi ở cố định, không đăng ký tạm trú từ năm 2012 đến năm 2014. N1 không liên lạc với gia đình cũng như các bị hại cho đến khi bị Cơ quan Công an bắt truy nã vào ngày 13/12/2022. Đến nay, N1 còn chiếm đoạt tiền mua hàng và tiền vay của anh Nguyễn Hoàng L2 với tổng số là 1.829.000.000 đồng; hiện N1 không có khả năng khắc phục hậu quả vụ án, trả lại tiền cho các bị hại.

2. Hành vi chiếm đoạt 3,1 tỷ đồng của chị Vũ Ngọc L1 (sinh năm: 1981, HKTT: Số nhà A ngách A phố C, phường L quận Đ, TP .. Nơi ở: Số A ngách B phố V, phường L, quận Đ, Hà Nội,

Năm 2008, chị Vũ Ngọc L1 quen biết Hà Thị N1 do cùng kinh doanh quần áo trẻ em. Năm 2010, N1 nói chị L1, N1 đã chuyển sang kinh doanh hàng điện thoại di động Iphone N cần tiền nhập hàng để kinh doanh tin tưởng chị L1 nhiều lần chị L1 đưa tiền cho N1 để nhập hàng kinh doanh có viết giấy vay nợ, mỗi lần vay từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, không có lãi, hạn trả hàng từ 05 – 07 ngày. N1 đều trả tiền đầy đủ, đúng hạn kèm theo tiền cảm ơn 10.000.000đồng cho chị L1. Do thời gian đã lâu, nên chị L1 không nhớ số tiền cụ thể, không lưu giữ giấy tờ vay mượn.

Khoảng giữa tháng 8/2011, N1 nói với chị L1, N1 đang cần số tiền lớn để nhập hàng điện thoại I và hỏi vay tiền chị L1, chị L1 đồng ý.

- Ngày 22/8/2011 nên chị L1 đã vay của anh Vũ Trí C1 (sinh năm: 1972, trú tại: Tổ B P, phường P, quận T, TP Hà Nội) là bạn chị L1 số tiền 600.000.000 đồng và nhờ anh C1 mang đến cửa hàng tại số B Đ, quận B, TP Hà Nội đưa cho N1. Khi vay, N1 có viết Giấy vay tiền đề ngày 22/8/2011, nội dung: *N1 vay của bà L1 600.000.000 đồng, N1 ký Người vay*. Cùng ngày 22/8/2011, chị L1 cho N1 vay tiếp số tiền 02 tỷ đồng thông qua ký Hợp đồng cho vay tiền – *N1 ký Bên vay tiền, chị L1 ký Bên cho vay*).

- Ngày 18/9/2011, chị L1 cho N1 vay số tiền 700.000.000 đồng, với lãi suất 8%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng và trả lãi vào ngày 30 hàng tháng. Hai bên có ký Hợp đồng cho vay tiền - *N1 ký Bên vay tiền, chị L1 ký Bên cho vay*.

Tổng cộng, chị L1 đã cho Hà Thị N1 vay tổng số là 3,3 tỷ đồng. Ngày 24/10/2011, N1 có trả cho chị L1 200.000.000 đồng (không có giấy tờ), chưa trả lãi. Đến ngày 27/10/2011, N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả lại tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận với chị L1. Sau đó, chị L1 không gặp, không liên lạc được với N1. Hiện N1 còn chiếm đoạt của chị L1 3,1 tỷ đồng. Chị L1 yêu cầu Hà Thị N1 bồi thường số tiền này.

Về số tiền 600.000.000 đồng mà chị L1 vay của anh Vũ Trí C1 để cho N1 vay lại, sau khi N1 bỏ trốn, khoảng năm 2012 (không nhớ thời gian cụ thể), chị L1 đã trả

lại anh C1 số tiền 600.000.000 đồng (không có giấy tờ). Anh C1 không có yêu cầu và đề nghị gì.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Giấy vay tiền đề ngày 22/8/2011, Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 18/9/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt 3,1 tỷ đồng tiền vay của chị Vũ Ngọc L1.

Chị L1 yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 3,1 tỷ đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt 4.579.000.000 đồng của chị Nguyễn Phương T (sinh năm: 1978, trú tại: số A ngõ A phố T, phường T, quận Đ, TP Hà Nội).

Chị T quen biết với Hà Thị N1 từ năm 2000 (là bạn học cùng trường đại học). Năm 2008, vợ chồng chị T mở cửa hàng kinh doanh điện thoại di động Iphone, tại địa chỉ: Số B Xã Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội. Khoảng đầu năm 2011, N1 giới thiệu với chị T, N1 có thể nhập hàng điện thoại di động Iphone từ Hồ N (Trung Quốc) về Việt Nam với giá rẻ hơn giá thị trường từ 500.000đồng – 700.000đồng/chiếc, 2 lần đầu đặt N1 trả đủ đúng hạn (mỗi lần từ 05 - 07 chiếc). Đầu tháng 9/2011, N1 nói với chị T, hãng A1 đang chuẩn bị ra mắt các sản phẩm mới và sẽ xả hàng với các sản phẩm cũ (như điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, 4S, máy tính Ipad, Macbook các loại, phụ kiện,...). N1 có thể nhập hàng với số lượng lớn và giá rẻ hơn nhiều so với giá thị trường, sau khoảng 05 – 07 ngày sẽ trả hàng. Tin tưởng N1, chị T tiếp tục đặt tiền cho N1 mua hàng điện thoại di động Iphone với số lượng lớn, trong tháng 9/2011, chị T đã nhiều lần đưa tiền cho N1 để đặt mua các sản phẩm công nghệ điện tử của hãng A2, với tổng số tiền là 4.579.000.000 đồng. N1 viết Đơn đặt tiền hàng đề ngày 15/9/2011 cho chị T, trong đó liệt kê danh sách tên hàng, số lượng, đơn giá, số tiền từng mặt hàng, thể hiện số tiền là 4.579.000.000 đồng – *chị T ký Người đặt hàng, N1 ký Người nhận đặt hàng bút lục số 175*. Đến

hạn, N1 không trả hàng cho chị T như đã hứa hẹn, chị T gọi điện hỏi, N1 xin khất với nhiều lý do như đầu mối nhập hàng chưa về kịp, N1 bị ốm phải nằm viện,...Đến ngày 26/10/2011, chị T cùng chồng là anh Trần Anh V2 đến nhà tìm gặp N1 yêu cầu giao hàng hoặc trả lại tiền. N1 tiếp tục xin khất hẹn và viết Giấy nhận tiền đề ngày 26/10/2011, nội dung: *N1 có nhận 4.579.000.000 đồng của anh Trần Anh V2 để mua số lượng hàng máy và linh kiện điện thoại, hẹn trong vòng 30 ngày sẽ hoàn trả đủ tiền - N1 ký Người nhận tiền. Nguyễn Minh T4 ký Em trai đồng chịu trách nhiệm*). Đến ngày 27/10/2011, N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến nay chưa trả hàng hay trả lại tiền trên cho vợ chồng chị T, anh V2.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Đơn đặt tiền hàng đề ngày 15/9/2011, Giấy nhận tiền đề ngày 26/10/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền đặt mua hàng của chị Vũ Phương T5 với tổng số là 4.579.000.000 đồng, sau đó N1 bỏ trốn chưa trả lại tiền cho chị T5.

Chị Vũ Phương T5 yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 4.579.000.000 đồng.

4. Hành vi chiếm đoạt 940.000.000 đồng của chị Đỗ Thùy D1 (sinh năm: 1990, Nơi ở: số B ngõ B N, phường N, quận L, Hà Nội).

Từ năm 2009, chị D1 và Hà Thị N1 cùng góp vốn kinh doanh hàng quần áo trẻ em tại cửa hàng "Shop Nhím Bông", sau đó không cùng kinh doanh nữa. Khoảng đầu năm 2011, N1 rủ chị D1 góp vốn để cùng nhập hàng công nghệ điện tử của hãng A2 mục đích bán kiếm lời và chia lợi nhuận mỗi lần nhập hàng khoảng từ 08 – 15%/số tiền góp. Chị D1 đồng ý và đã vài lần góp vốn kinh doanh nhập hàng với N1, mỗi lần khoảng 500 triệu đồng – 600 triệu đồng, N1 đều trả tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Khi góp vốn, chị D1 đều yêu cầu N1 viết giấy vay tiền để làm tin và sau khi trả tiền gốc và tiền lợi nhuận, N1 lấy lại giấy.

Từ ngày 29/3/2011 đến tháng 10/2011, chị D1 đã đưa tiền cho Hà Thị N1 với tổng số là 01 tỷ đồng để góp vốn nhập hàng, gồm:

- Ngày 29/3/2011, chị D1 đưa cho N1 400.000.000 đồng (có viết giấy vay tiền - Nga ký tên);

- Ngày 13/10/2011 và ngày 17/10/2011, chị D1 02 lần đưa tiền cho N1, mỗi lần 200.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng (có viết giấy vay tiền – N1 ký Người vay);

- Khoảng giữa tháng 10/2011 (không nhớ ngày cụ thể), chị D1 đưa cho N1 200.000.000 đồng (không có giấy tờ).

Đến cuối tháng 10/2011, N1 không trả lại tiền gốc và lợi nhuận cho chị D1 như đã hứa hẹn, chị D1 nhiều lần gọi điện, tìm gặp N1 yêu cầu trả lại tiền, nhưng N1 khất lần, không trả tiền với nhiều lý do như đang dồn tiền để nhập hàng, hàng chưa về, người mua nợ tiền hàng chưa trả,…N1 mới trả trước cho chị D1 được 60.000.000 đồng (không có giấy tờ), còn lại 940.000.000 đồng chưa trả. Từ ngày 27/10/2011, N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến nay chưa trả lại tiền cho chị D1. Chị D1 không gặp, không liên lạc được với N1, không biết N1 ở đâu, làm gì.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên các Giấy vay tiền đề ngày 29/3/2011, ngày 26/10/2011, ngày 13/10/2011, ngày 17/10/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền đặt mua hàng của chị Nguyễn Thùy D2 tổng số là 940.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho chị D2.

Chị Nguyễn Thùy D2 yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 940.000.000 đồng.

5. Hành vi chiếm đoạt 500.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Khánh V1 (sinh năm: 1975, trú tại: số G ngõ I đường V, phường L, quận B, TP Hà Nội).

Chị Đỗ Thị Khánh V1 quen biết với Hà Thị N1 do cùng buôn bán hàng quần áo trẻ em từ năm 2009, N1 có cửa hàng "Shop Nhím B" tại B Đ, quận B, Hà Nội. Khoảng đầu năm 2011, N1 nói với chị V1, N1 có kinh doanh thêm mặt hàng điện thoại di động Iphone nên cần tiền để nhập hàng, thời hạn vay từ 10 – 15 ngày và trả lãi thỏa thuận là 10%/tháng. Chị V1 đồng ý và đã nhiều lần cho N1 vay tiền để kinh doanh, mỗi lần từ 200 triệu đồng – 300 triệu đồng, N1 đều trả tiền vay gốc và tiền lãi đầy đủ, đúng hạn (nhưng không có giấy tờ). Cụ thể lần đầu chị V1 cho N1 vay ngày 28/01/2011 số tiền 200.000.000 đồng, hạn trả ngày 17/02/2011 (có viết giấy vay tiền – N1 ký Người vay và đã trả gốc lãi đúng hạn, sau đó N1 hỏi vay tiếp 200.000.000đ cũng để kinh doanh điện thoại di động vì tin tưởng trước đó trả nợ đúng hạn nên chị V1 không yêu cầu viết giấy biên nhận vay tiền, ngày 06/6/2011, chị V1 cho N1 vay tiếp 300.000.000 đồng (có viết giấy vay tiền, N1 ký Người vay). Tổng cộng, N1 đã vay của chị V1 số tiền 500.000.000 đồng. Quá trình vay, N1 đã trả tiền lãi cho chị V1 theo thỏa thuận nhưng không có giấy tờ, do thời gian đã lâu nên chị V1 không nhớ số tiền lãi đã trả, số lần trả. Đến ngày 27/10/2011, Hà Thị N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả lại tiền vay gốc và tiền lãi cho chị V1.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên các Giấy vay tiền đề ngày 28/01/2011, ngày 06/6/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền vay của chị Đỗ Thị Khánh V1 tổng số là 500.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho chị V1.

Chị Đỗ Thị Khánh V1 yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 500.000.000 đồng.

6. Hành vi chiếm đoạt 500.000.000 đồng của anh Hoàng L2 (theo đơn trình báo sinh năm: 1977, HKTT tại số B, Tổ B T, phường D, quận C, TP Hà Nội, hiện không rõ nơi ở):

Khoảng tháng 8/2011, anh Hoàng L2 gặp và quen biết với Hà Thị N1 thông qua chị Nguyễn Thị N2 (vợ anh L2) do Hà Thị N1 là bạn cùng học đại học. N1 có cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ em tại số B, phố Đ, quận B, Hà Nội và giới thiệu với vợ chồng anh Hoàng L2, hiện N1 đang kinh doanh điện thoại di động Iphone nhập từ nước ngoài về với số lượng lớn. N1 cần tiền để nhập hàng và đề nghị vay tiền của anh L2 để kinh doanh, ngày 29/8/2011, anh L2 cho Hà Thị N1 vay 500.000.000 đồng để kinh doanh điện thoại di động, có viết Giấy vay tiền. Quá trình vay, ngày 30/9/2011 N1 trả cho anh L2 75.000.000 đồng tiền lãi (nhưng không có giấy tờ). Tuy nhiên, đến ngày 27/10/2011, Hà Thị N1 bỏ trốn, không trả tiền vay gốc và tiền lãi cho anh L2.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Giấy vay tiền đề ngày 23/10/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền vay của anh Hoàng L2 với số tiền là 500.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho anh L2.

Quá trình điều tra ban đầu, anh Hoàng L2 yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 500.000.000 đồng. Ngày 18/7/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định hiện anh Hoàng L2 và gia đình đã đi sang Đức từ năm 2016 đến nay chưa về, không rõ ở đâu, làm gì.

7. Hành vi chiếm đoạt 1.573.000.000 đồng của anh Nguyễn Mạnh C (sinh năm: 1968, HKTT: 269 phố B, quận H, TP .; trú tại: Số B ngõ G, phường B, quận H, TP Hà Nội, hiện không rõ nơi ở).

Khoảng tháng 9/2011, thông qua bạn bè cùng kinh doanh các mặt hàng công nghệ điện tử của hãng A2 giới thiệu, anh C quen biết với Hà Thị N1. Anh C biết N1 kinh doanh điện thoại di động, máy tính của hãng A2 nhập từ nước ngoài về Việt Nam với giá rẻ hơn giá thị trường từ 500.000đồng – 1 triệu đồng/chiếc và nghe nói N1 rất có uy tín trong kinh doanh. Anh C đã vài lần đặt tiền cho N1 để mua hàng

điện thoại di động Iphone, máy tính Ipad, M, mỗi lần từ 05 – 07 chiếc. Sau khoảng 05 - 07 ngày, N1 đều trả hàng đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo chất lượng.

Khoảng đầu tháng 10/2011, N1 nói với anh C có lô hàng mới gồm điện thoại di động Iphone 4, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook sắp về và bảo anh C muốn mua hàng thì đặt tiền luôn cho N1. Tin tưởng N1, từ ngày 04/10/2011 đến ngày 11/10/2011, anh C đã 06 lần đưa tiền cho N1, với tổng số là 1.573.000.000 đồng để nhập hàng, có viết 03 Hóa đơn nhận tiền đặt hàng – N3 ký nhận tiền. Đến hạn, anh C không thấy N1 không trả hàng như đã thỏa thuận, anh C gọi điện hỏi, N1 khất hẹn, không trả hàng. Đến ngày 26/10/2011, anh C nghe thông tin N1 bị kinh doanh thua lỗ và vỡ nợ, anh C đến nhà tìm gặp N1 tại số C ngõ E Q, thị trấn V, huyện T, TP Hà Nội yêu cầu trả lại tiền. Lúc này cũng có nhiều người đến tìm N1 đòi tiền, N1 khất anh C cho N1 trả nợ dần và viết Giấy vay nợ đề ngày 26/10/2011, nội dung: *N1 có nhận của anh C số tiền 1.573.000.000 đồng, gia đình tôi sẽ trả đủ tiền cho anh C hạn đến ngày 07/12/2011 - anh C ký Người cho vay, N1 ký Người vay, anh Nguyễn Mạnh T6 ký Thay mặt gia đình chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trả nợ hộ chị N1*). Đến ngày 27/10/2011, N1 và gia đình bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả hàng cũng như trả lại tiền cho anh C. Anh C không gặp và không liên lạc được với N1.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Giấy vay nợ đề ngày 26/10/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền đặt mua hàng của anh Nguyễn Mạnh C với tổng số là 1.573.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho anh C.

Quá trình điều tra ban đầu anh Nguyễn Mạnh C yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.573.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định hiện anh C không có mặt tại nơi cư trú, không rõ anh C ở đâu, làm gì.

8. Hành vi chiếm đoạt 1.726.000.000 đồng của anh Diêm Minh Đ (sinh năm: 1983, trú tại: Số F phố T, phường T, quận T, Hà Nội).

Khoảng tháng 4/2011, thông qua anh Nguyễn Quang D (sinh năm: 1980, HKTT tại số C ngõ E Q, thị trấn V, huyện T, TP Hà Nội – là chồng của Hà Thị N1), anh Diêm Minh Đ có gặp và quen biết với Hà Thị N1 giới thiệu có cửa hàng quần áo trẻ em tại số B Đ, quận B, TP Hà Nội, ngoài ra N1 còn kinh doanh nhập các mặt hàng công nghệ điện tử của hãng A2 từ nước ngoài về Việt Nam bán với số lượng lớn và giá rẻ hơn giá thị trường. Lần đầu anh Đ đặt 5 chiếc Iphone giá 13.800.000đ/ chiếc anh Đ nhận hàng và đã bán 14.200000đ.

Từ tháng 8/2011 đến tháng 10/2011, anh Đ đã 05 lần đặt tiền cho N1, với tổng số tiền là 1.416.000.000 đồng để mua hàng, cụ thể:

- Ngày 17/8/2011, anh Đ đặt 242.500.000 đồng để mua 23 chiếc máy tính bảng Ipad 2;

-Ngày 25/9/2011, anh Đ đặt 820.000.000 đồng để mua điện thoại di động Iphone 4, 4S;

-Ngày 12/10/2011, anh Đ đặt 80.000.000 đồng để mua 11 chiếc máy tính xách tay Macbook;

- Ngày 14/10/2011, anh Đ đặt 123.500.000 đồng để mua loa và phụ kiện điện tử đi kèm;

- Ngày 19/10/2011, anh Đ đặt 150.000.000 đồng để mua máy tính xách tay Macbook. Ngoài ra, ngày 24/10/2011 anh Đ còn cho N1 vay 310.000.000 đồng (không có giấy tờ). Tổng cộng là 1.726.000.000 đồng.

Đến hạn, N1 không trả được hàng cho anh Đ, anh Đ gọi điện hỏi, N1 xin khất hẹn lấy lý do chậm trả hàng, hoặc báo hàng sắp về với số lượng lớn và đề nghị anh Đ tiếp tục đặt thêm tiền cho N1 để mua hàng, vay tiền để nhập hàng. Đến ngày 27/10/2011, N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả hàng cũng như không trả lại

tiền cho anh Đ. Ngày 07/11/2011, anh Đ đã đến nhà mẹ đẻ của N1 tại TP P, tỉnh Gia Lai tìm gặp N1 yêu cầu trả lại tiền. Tại đây, N1 xin khất việc trả tiền cho anh Đ và viết Giấy xác nhận đặt hàng đề ngày 07/11/2011, nội dung: *N1 đã nhận của anh Đ 1.726.000.000 đồng để mua hàng, cam kết trả tiền dần theo tháng và hạn đến ngày 30/3/2012 sẽ trả đủ tiền – N3 ký nhận tiền*). Theo cam kết N1 không trả lại tiền cho anh Đ. Anh Đ không gặp và không liên lạc được với N1.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Giấy xác nhận đặt hàng đề ngày 07/11/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền đặt mua hàng của anh Diêm Minh Đ với tổng số là 1.726.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho anh Đ.

Anh Diêm Minh Đ yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.726.000.000 đồng.

9. Hành vi chiếm đoạt 694.000.000 đồng của anh Đỗ Đức N (sinh năm: 1991, HKTT: 109 B1 Tập thể G, phường G, quận B, TP .. Hiện trú tại: P chung cư B, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh).

Khoảng tháng 10/2011, thông qua bạn bè giới thiệu, anh N quen biết với Hà Thị N1. N1 giới thiệu N1 có thể nhập hàng điện thoại di động Iphone 4 từ nước ngoài về Việt Nam với số lượng lớn và giá rẻ hơn giá thị trường, N1 rất có uy tín trong kinh doanh. Tin tưởng N1, anh N đã nhiều lần đưa tiền cho N1 với tổng số là 694.000.000 đồng để đặt mua từ 30 – 40 chiếc điện thoại di động Iphone loại 4, 4S. N1 hẹn sau 05 – 07 ngày sẽ trả đủ hàng cho anh N (không có giấy tờ). Đến hẹn, N1 không trả hàng cho anh N và khất hạn trả hàng. Ngày 26/10/2011, anh N đến nhà tìm gặp N1 yêu cầu trả hàng hoặc trả lại tiền, N1 khất nợ và viết Giấy vay nợ tiền đề ngày 26/10/2011, nội dung: *N1 có nhận tiền đặt hàng của anh N số tiền 694.000.000 đồng, cam kết sẽ hoàn trả tiền nhận đặt cọc trên nếu không giao hàng đúng hẹn vào*

ngày 01/4/2012 – N1 ký Người nhận tiền, anh Đ ký Người đặt tiền). Sau đó, N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến nay chưa trả lại tiền cho anh N.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên Giấy vay nợ tiền đề ngày 26/10/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền đặt mua hàng của anh Đỗ Đức N với số tiền là 694.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho anh N.

Anh Đỗ Đức N yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 694.000.000 đồng.

10. Hành vi chiếm đoạt 2.134.000.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng T1 (sinh năm: 1988, HKTT và trú tại: Số D ngõ D V, phường T, H, Hà Nội).

Khoảng tháng 9/2011, thông qua mối quan hệ xã hội, anh T1 quen biết với Hà Thị N1 và biết N1 có thể nhập hàng điện thoại di động Iphone 4 từ nước ngoài về Việt Nam với số lượng lớn và giá rẻ hơn giá thị trường, biết N1 có uy tín trong kinh doanh. Thời gian đầu, anh T1 đã vài lần đặt tiền cho N1 để mua hàng điện thoại di động Iphone với số lượng từ 10 – 20 chiếc/lần. N1 đều trả hàng cho anh T1 đầy đủ, đúng hạn. Sau đó, từ giữa tháng 9/2011 đến đầu tháng 10/2011, anh T1 đã nhiều lần đặt tiền cho N1, với tổng số là 2.134.000.000 đồng để đặt mua hàng trên với số lượng lớn, cụ thể:

- Ngày 14/9/2011, anh T1 đặt 330.000.000 đồng để mua 50 chiếc điện thoại di động Iphone 4 loại 16Gb, hẹn đến ngày 21/10/2011 sẽ trả đủ hàng, có ký Hợp đồng đặt hàng – Nga ký Bên bán, anh T1 ký Bên đặt hàng.

- Ngày 11/10/2011, anh T1 đặt 429.000.000 đồng để mua 65 chiếc điện thoại di động Iphone 4 loại 16Gb, hẹn đến ngày 18/10/2011 trả đủ hàng, có ký Hợp đồng đặt hàng – Nga ký Bên bán, anh T1 ký Bên đặt hàng.

- Ngày 13/10/2011, anh T1 đặt 420.000.000 đồng để mua 65 chiếc điện thoại di động Iphone 4 loại 16Gb, hẹn đến ngày 20/10/2011 trả đủ hàng, có ký Hợp đồng đặt hàng.

- Ngày 17/10/2011, anh T1 đặt 330.000.000 đồng để mua 50 chiếc điện thoại di động Iphone 4 loại 16Gb, hẹn đến ngày 24/10/2011 trả đủ hàng, có ký Hợp đồng đặt hàng – Nga ký Bên bán, anh T1 ký Bên đặt hàng.

- Ngày 18/10/2011, anh T1 đặt 325.000.000 đồng để mua 50 chiếc điện thoại di động Iphone 4 loại 16Gb, hẹn đến ngày 24/10/2011 trả đủ hàng, có ký Hợp đồng đặt hàng – Nga ký Bên bán, anh T1 ký Bên đặt hàng.

- Ngày 03/10/2011, anh T1 đặt 300.000.000 đồng để mua điện thoại di động Iphone 4S (nhưng không có giấy tờ biên nhận).

Theo cam kết, N1 không trả hàng cho anh T1 và xin khất với lý do hàng về chậm, hoặc báo hàng sắp về với số lượng lớn và đề nghị anh T1 đặt thêm tiền để mua hàng. Đến ngày 27/10/2011, N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả hàng cũng như không trả lại tiền cho anh T1.

* Tại Bản kết luận giám định số 15 ngày 11/01/2012 của V3 - Bộ C3, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị N1 trên các Hợp đồng đặt hàng đề ngày 14/9/2011, ngày 11/10/2011, ngày 13/10/2011, ngày 17/10/2011, ngày 18/10/2011, so với mẫu chữ ký, chữ viết của Hà Thị N1, là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai nhận hành vi phạm tội. Hiện N1 còn chiếm đoạt tiền đặt mua hàng của anh Nguyễn Hoàng T1 với tổng số là 2.134.000.000 đồng, chưa trả lại tiền cho anh T1.

Anh Nguyễn Hoàng T1 yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 2.134.000.000 đồng.

Tổng cộng, Hà Thị N1 đã chiếm đoạt của 10 người với tổng số tiền là 17.575.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị hại nhận dạng ảnh hiện tại của Hà Thị N1, kết quả họ đều xác định Hà Thị N1 là người đã nhận tiền để đặt mua hàng công nghệ điện tử của hãng A2, hoặc tiền vay của họ vào năm 2011, nhưng sau đó N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và chiếm đoạt tiền của họ.

* Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hà Thị N1 khai: Năm 2011, sau khi Hà Thị N1 nhận tiền đặt mua hàng công nghệ điện tử của hãng A2 và vay tiền để kinh doanh của các bị hại nêu trên, đến cuối tháng 10/2011, do làm ăn kinh doanh thua lỗ, không có tiền để trả lại cho các bị hại, nên N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú vào TP P tỉnh Gia Lai sau đó vào TP N, tỉnh Khánh Hòa sinh sống, N1 thuê trọ ở nhiều nơi, không có nơi ở cố định, không đăng ký tạm trú từ năm 2012 đến năm 2014. Quá trình Hà Thị N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú vào thành phố N, tỉnh Khánh Hòa sinh sống. Khoảng tháng 5/2014, N1 đến chơi nhà anh trai là Hà Ngọc T7 ở tại Thôn C, xã B, TP P, tỉnh Gia Lai. Do thấy trong Sổ hộ khẩu của gia đình anh T7 có ghi thông tin: Nguyễn Thị V, sinh ngày 16/6/1979, Quê quán: Xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; CMND số: 151253216 cấp ngày 14/01/1996 nhập khẩu nhờ tại địa chỉ trên. Để trốn tránh pháp luật N1 đã tự ý lấy Sổ hộ khẩu của gia đình anh Hà Ngọc T7 và mạo danh là Nguyễn Thị V, có lai lịch trên. Đến ngày 19/5/2014 đăng ký kết hôn với anh Trần Ngọc H (sinh năm: 1974 tại UBND xã B, TP P, tỉnh Gia Lai). Tháng 10/2014, N1 làm thủ tục chuyển hộ khẩu mang tên "Nguyễn Thị V" về địa chỉ nhà anh H tại Số A P, phường P, TP N, tỉnh Khánh Hòa và sinh sống tại địa chỉ trên. Đến ngày 13/12/2022, N1 bị Cơ quan Công an phát hiện và bị bắt theo quyết định truy nã.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Minh T4 (sinh năm: 1981, trú tại: Tòa I chung cư I, phường T, quận N, TP Hà Nội) khai: anh T4 là em trai của anh Nguyễn Quang D (là chồng cũ của Hà Thị N1). Năm 2011, anh T4 và gia đình có đăng ký HKTT tại số C Q, thị trấn V, huyện T, TP Hà Nội. Cuối năm 2011 có nhiều người đến gia đình anh T4 để đòi tiền của Hà Thị N1. Khi đó mới biết N1 đã nhận tiền để nhập mua hàng điện thoại và vay tiền của họ, đến hạn không trả hàng và không trả lại tiền. N1 nói do kinh doanh bị thua lỗ và không có khả năng trả lại tiền. N1 xin được khắc phục và viết giấy cam kết thời hạn trả tiền. Sau khi N1 viết giấy xác nhận nợ, có một số người (không rõ họ tên, địa chỉ) yêu cầu gia đình cùng chịu trách nhiệm ký vào giấy cùng với N1, do anh T4 có mặt ở nhà nên N1 nhờ anh T4 ký xác nhận cùng để họ yên tâm. Sau đó, N1 bỏ trốn, gia đình không biết N1 ở đâu, làm gì, không liên lạc

được. Anh T8 không biết việc N1 nợ tiền của một số người. Anh T8 và gia đình không nhận được tiền hay tài sản từ Hà Thị N1.

Anh Nguyễn Quang D (sinh năm: 1980, trú tại: Khu L, phường K, quận H, TP Hà Nội) khai: Anh D3 và Hà Thị N1 kết hôn từ năm 2006 và sinh sống cùng gia đình tại địa chỉ số C ngõ E Q, thị trấn V, huyện T, TP Hà Nội. Đến cuối năm 2011, N1 nói làm ăn kinh doanh thua lỗ, nợ tiền của nhiều người nên đã bỏ trốn, anh D3 và gia đình không biết N1 ở đâu, không liên lạc được với N1. Anh D3 không biết việc làm ăn kinh doanh của N1, N1 không trao đổi, đưa tiền hoặc tài sản gì cho anh D3 và gia đình. Năm 2018, Toà án ND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội đã ra quyết định chấp thuận ly hôn đơn phương của anh Nguyễn Quang D với Hà Thị N1.

- Xác minh về việc Hà Thị N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú: Công an thị trấn V, huyện T, TP Hà Nội cung cấp tại địa chỉ số C ngõ E Q, thị trấn V, huyện T, Hà Nội - là nhà của chủ hộ ông Nguyễn Năng C2 (sinh năm: 1953 và vợ là bà Đỗ Thị T9 (sinh năm: 1954); Hà Thị N1 (sinh năm: 1980 và chồng là Nguyễn Quang D (sinh năm: 1980) cùng con trai sinh năm 2008 có đăng ký HKTT và sinh sống cùng tại địa chỉ trên. Từ ngày 27/10/2011 đến ngày xác minh 04/4/2012, Hà Thị N1 cùng toàn bộ gia đình đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, địa phương không nắm rõ họ đi đâu, làm gì. Hiện nhà khóa cửa, không có ai có mặt ở nhà cũng như không có ai trông coi. Công an thị trấn V cho biết, hiện tại ông Nguyễn Năng C2 đã thế chấp sổ đỏ nhà đất trên cho Ngân hàng T11 với giá 1,8 tỷ đồng.

- Xác minh tại Công an phường Y, TP P, tỉnh Gia Lai và lời khai của bà Nguyễn Thị A (sinh năm: 1947, trú tại: Tổ G đường K, phường Y, TP P, tỉnh Gia Lai) - là mẹ đẻ của Hà Thị N1 cung cấp: Trong thời gian từ tháng 9/2011 đến ngày xác minh là 29/02/2012, Hà Thị N1 (sinh năm: 1980, có lai lịch trên) không đăng ký tạm trú, tạm vắng tại địa phương, gia đình và địa phương không biết N1 và chồng, con ở đâu, làm gì, không liên lạc được. Bà A cho biết khoảng cuối năm 2011 (không nhớ ngày, tháng cụ thể), N1 về nhà bà A ở 02 ngày (khi đó bà A sống một mình), N1 không mang theo hành lý, tư trang, giấy tờ, tài liệu gì và chỉ nói về thăm gia đình. Khi N1 về, bà A thấy có khoảng 6 -7 người (không rõ họ tên, địa chỉ) đến tìm gặp N1 hỏi về chuyện nợ tiền, tài sản, sau đó họ ra về và N1 cũng bỏ đi luôn. Từ đó đến nay bà A không gặp, không liên lạc được với N1.

- Xác minh tại Phòng Tài chính kế hoạch - UBND quận B, TP Hà Nội cung cấp: Hộ kinh doanh Shop Nhím Bông, địa chỉ số B phố Đ, phường Đ được UBND quận B cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh lần đầu ngày 07/12/2010, do Hà Thị N1 (sinh năm: 1980, trú tại: số A Q, thị trấn V, huyện T, TP Hà Nội) là người đại diện;

- Xác minh tại Công an phường Đ, quận B, TP Hà Nội cung cấp: Hà Thị N1 (sinh năm: 1980, thông tin nhân thân như trên) thuê cửa hàng để kinh doanh quần áo trẻ em tại địa chỉ số B, phố Đ, phường Đ, quận B, Hà Nội - do bà Đoàn Thị H2 là chủ hộ (có ký hợp đồng cho thuê cửa hàng), thời gian thuê 02 năm từ ngày 01/12/2009 đến ngày 01/12/2011. Đến đầu tháng 10/2011, N1 không còn kinh doanh tại cửa hàng.

- Xác minh tại Công an phường P, TP N, tỉnh Khánh Hòa cung cấp: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Công an phường P xác định Nguyễn Thị V (sinh ngày: 16/6/1979; quê quán: T, Thái Bình, CMT số: 151253216) nhập khẩu theo chồng là anh Trần Ngọc H (sinh năm: 1974) về địa chỉ số A đường P, phường P, TP N, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2014. Tuy nhiên, không có thông tin hộ khẩu nơi chuyển đi của Nguyễn Thị V. Tháng 10/2022, Nguyễn Thị V đăng ký thủ tục cấp mới CCCD nhưng đến nay chưa được cấp. Quá trình sinh sống từ năm 2014 đến nay chưa phát hiên có vi phạm. Hiện Nguyễn Thị V có chồng là Trần Ngọc H (sinh năm: 1974), có con là Trần Ngọc H3 (sinh năm: 2014) và Trần Ngọc H4 (sinh năm: 2016) đều có HKTT tại địa chỉ trên.

Sau khi Cơ quan CSĐT – Công an thành phố H thực hiện việc bắt giữ người theo quyết định truy nã, qua điều tra xác định: Hà Thị N1 đã sử dụng thông tin tên "Nguyễn Thị V" là giả, thông tin Nguyễn Thị V (sinh ngày: 16/6/1979; quê quán: T, Thái Bình, CMT số: 151253216) tên thật là Hà Thị N1 (sinh ngày 17/01/1980, HKTT: số C ngõ E Q, T, huyện T, Hà Nội).

Tại cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị V (sinh ngày 06/6/1979, Quê quán: xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; CMND số 151253216 do Công an tỉnh T cấp ngày 14/01/1996, sau đổi CCCD số 034179005537 do Cục C4 về TTXH Bộ C3 cấp ngày 27/6/2021, HKTT và chỗ ở tại Tổ G, phường T, TP T, tỉnh Thái Bình) khai: Chị V không quen biết, không có mối quan hệ với người có tên là Hà Ngọc T7 (sinh năm:

1974, HKTT: B, P, tỉnh Gia Lai). Chị V chưa từng đăng ký HKTT, sinh sống hoặc đi đến tại địa chỉ trên.

Về hành vi Hà Thị N1 tự ý sử dụng thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị V (sinh năm: 1979; Quê quán: xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; CMND số 151253216 do Công an tỉnh T cấp ngày 14/01/1996) để trốn tránh pháp luật và nghĩa vụ trả tiền cho các bị hại trong vụ án. Do thời hạn điều tra đã hết, ngày 02/6/2023, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H đã ra Quyết định số 42 tách hành vi và tài liệu liên quan đến nội dung trên để điều tra làm rõ và xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Hà Thị N1 bồi thường số tiền đã chiếm đoạt nêu trên.

Cáo trạng số: 345/CT-VKS-P3 ngày 08/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hà Thị N1 về tội " *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo Đ1 a Khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Sau khi nhận tin báo của các bị hại năm 2011 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T tiến hành xác minh nhưng Hà Thị N1 không có mặt tại nơi cư trú không tiến hành lấy lời khai của N1 được. Ngày 10/02/2012 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an T ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Hà Thị N1. Ngày 12/4/2012 ra Quyết định truy nã đối với N1. Từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can đến trước khi bị bắt truy nã Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T chưa lấy được lời khai của Hà Thị N1.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Hà Thị N1 có 2 lời khai (bút lục số 73-76 khai ngày 13 và 14/12/2022) bị cáo khai: Khoảng năm 2007-2008-2009 Nga kinh doanh quần áo tại đội cấn Hà Nội nhưng bị thua lỗ, cần tiền trả nợ nên này sinh ý định mua bán điện thoại di động iPhone để chiếm đoạt tiền của người mua điện thoại di động, N1 rao bán điện thoại iPhone với giá rẻ hơn giá thị trường khoảng 500.000 đồng đến 700.000 đồng để có nhiều người đặt mua. Khi có người đặt mua điện thoại di động của N1, N1 sẽ nhận đặt cọc, sử dụng tiền đặt cọc mua điện thoại của nhiều người trên để bù lỗ số tiền do kinh doanh mua bán quần áo và đặt mua điện thoại iPhone 4 của người đàn ông tên T8 không nhớ nhân thân lai lịch và một số người không quen biết là chủ các cửa hàng điện thoại trên địa bàn Hà Nội giá N1 mua điện thoại cao

hơn giá N1 bán. N1 giao cho người đặt mua trước, tuy nhiên khi mua điện thoại di động N1 không mua đủ số lượng người mua đặt cho người bán. Với số tiền đặt cọc của nhiều người chỉ đủ tiền để mua số lượng điện thoại cho 1-2 người thì N1 sẽ giao điện thoại cho 1-2 người này trước, sau đó người được giao điện thoại trên lại tiếp tục chuyển tiền đặt cọc cho N1 để đặt mua điện thoại iPhone N1 sẽ sử dụng tiền đặt cọc này để mua điện thoại và giao cho người mua điện mua khác. N1 đã sử dụng cách thức trên thời gian từ năm 2009-2010 tuy nhiên sau đó do bán với giá thấp không đủ tiền để mua điện thoại giao cho người mua không có khả năng trả, giữa năm 2011 số tiền N1 chiếm đoạt của họ khoảng 3 - 4 tỷ đồng không có khả năng chi trả nên bỏ trốn. Bị cáo khai nhận chiếm đoạt tiền của 10 người như Cáo trạng nêu đến nay chưa trả.

Sau đó bị cáo có 11 lời khai (từ bút lục số 80 đến 105) bị cáo khai không có bổ sung thay đổi với lời khai trước đó.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2023 bị cáo Hà Thị N1 khai: Xác nhận lời khai tại cơ quan điều tra là đúng, N1 khai kinh doanh điện thoại di động mặt hàng không có trong đăng ký kinh doanh, bị cáo có mua 1 số điện thoại Iphone, Ipad của người tên T8 và mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn về giao cho 1 số bị hại đặt mua điện thoại với giá rẻ hơn bị cáo mua để tạo lòng tin các bị hại đặt tiền cọc mục đích lấy tiền trả nợ do thua lỗ kinh doanh quần áo trẻ em "Shop Nhím Bông", địa chỉ tại Số B phố Đ, phường Đ, quận B, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2023 chị Vũ Ngọc L1 khai: Do quen biết, N1 nói kinh doanh điện thoại di động vay tiền mua hàng của Hải Quan bắt bán lại với giá rẻ đã đưa cho N1 3,3 tỷ, N1 đã trả lại được 200 triệu. *Anh Diêm Minh Đ khai:* Anh có đặt mua điện thoại Iphone của N1 nhiều lần và mỗi lần đặt giao trước 50% tiền cho N1, thỉnh thoảng N trả 1 ít hàng sau đó lại mời đặt hàng tiếp và xác nhận N1 còn nợ 1.726.000.000đ. *Anh Nguyễn Hoàng T1 khai*: Anh quen biết N1 trên mạng xã hội và được biết qua bạn làm ăn với N1 nói N1 làm ăn uy tín anh T1 đặt mua điện thoại theo thỏa thuận đến hạn lấy hàng thì gọi điện hỏi Nga N1 nói có hàng rồi khách đã đến lấy có bán không anh T1 thấy N1 bán được nên đồng ý cho N1 bán, sau đó N1 nói đã bán hết hàng và giao lại tiền lãi cho anh và mời anh đặt tiền tiếp, nhưng anh chưa nhìn thấy điện thoại như thế nào. Bị hại Nguyễn Hoàng T1 khai từ khi đặt mua

điện thoại của N1 cứ đến ngày giao hàng thì bị cáo N1 nói có người trả cao hơn lên bán lấy lãi rồi chia trả tiền lãi cho anh T1. Các bị hại đều xác định N1 dùng thủ đoạn gian dối nói kinh doanh điện thoại để mọi người tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt tiền của họ.

Vì vậy Hội đồng xét xử xác định hành vi phạm tội của bị cáo Hà Thị N1, phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2023 Hội đồng xét xử Quyết định trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm nói trên, cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra, truy tố bị cáo Hà Thị N1 về tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Sau khi trả hồ sơ VKS nhân dân T12 tiến hành lấy lời khai của bị cáo Hà Thị N1, tại Biên bản lời khai ngày 06/10/2023 bị cáo N1 khai: Việc tại cơ quan điều tra ban đầu N1 khai khoảng năm 2008 - 2010 do kinh doanh quần áo bị thua lỗ 200 triệu đồng nên nảy sinh ý định nhận tiền mua điện thoại Iphone của người đặt mua sau trả cho người đặt mua trước là do N1 mới bị cơ quan Công an bắt giữ, tâm lý hoang mang nên N1 đã khai không đúng sự thật. Việc kinh doanh quần áo không liên quan đến kinh doanh điện thoại. Nếu có kinh doanh thua lỗ cũng không phải nhận tiền người sau trả cho người trước, bị cáo kinh doanh điện thoại là đúng. Năm 2011 bị cáo N1 nhận tiền đặt cọc mua điện thoại Iphone, máy tính Macbook nguồn hàng xách tay không có hóa đơn của người đàn ông tên T8, không rõ nhân thân lý lịch sống tại Hà Nội do quen trên mạng, N1 nhập hàng nhiều lần từ 10 đến 20 chiếc, nhiều nhất là 100 chiếc. Sau khi thống nhất giá cả số lượng T8 đến cửa hàng hoặc nhà để giao hàng và nhận tiền hàng bằng tiền mặt. Sau khi nhận tiền cọc của khách N1 giao hết cho T8 không có giấy tờ. Khi hàng về thì T8 đến giao nhưng giao không đầy đủ với lý do hàng khó nhập giá thành cao và hứa hẹn lô hàng sau sẽ cho giá thấp. N1 báo lại với các bị hại nhận tiền chốt số lượng, giao tiền cho T8, sau đó T8 trả hàng nhưng không đủ số lượng đặt với giá thành cao nên không có hàng trả cho các bị hại đầy đủ, do tin tưởng T8 giao hàng đầy đủ nên N1 mua quá cao tại các cửa hàng buôn bán điện thoại để tạm thời trả cho các bị hại. Sau đó T8 không trả hàng

cho N1 nên các bị hại yêu câu nên N1 viết giấy xác nhận nợ đơn hàng sau đó phải bỏ trốn.

Tiền nhận mua hàng cho các bị hại đều sử dụng để mua hàng không sử dụng mục đích khác. Tuy nhiên sau đó T8 không giao hàng cho N1 nên không có hàng trả cho các bị hại. Mỗi lần mỗi đợt nhận tiền mua hàng N1 đều trả hàng nhưng trả không đầy đủ. Mỗi lần về mỗi đợt nhận tiền mua hàng đều hủy giấy cũ đã viết cho đợt hàng trước và viết giấy mới xác nhận số tiền còn nợ của đợt trước chứ không phải nhận tiền mà không giao hàng mà là giao hàng đủ. Bị cáo N1 thừa nhận còn nợ 10 người số tiền như Cáo trạng nêu.

Tại Công văn số 2575/CV-VKS-P3 ngày 19/10/2023 của VKSND thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng số 345/CT-VKS-P3 ngày 08/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hà Thị N1 về tội " *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo Đ1 a Khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633/2023/QĐXXST-ST ngày 03/11/2023 của TAND thành phố Hà Nội đã ghi bị cáo Hà Thị N1 có thể bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Bị cáo có 1 cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ em tại B Đội Cấn H, tên cửa hàng N4 bông, quá trình kinh doanh không lỗ mà có lời. Tháng 4 năm 2011 bị cáo kinh doanh đồ điện tử (là thiết bị điện thoại, máy tính…không có đăng ký kinh doanh đồ điện tử) có 1 ít vốn ban đầu để kinh doanh. Bị cáo mua hàng của người tên T8 quen trên mạng. Lúc đầu bị cáo nhập từ 5-10 chiếc không có hóa đơn chứng từ. Bị cáo nói với khách có nguồn hàng giá rẻ do xách tay từ nước ngoài về sau đó khách hàng tự tìm đến bị cáo. Sau đó nhận đặt hàng của khách như Cáo trạng nêu. Vốn đặt hàng kinh doanh mỗi lần đặt hàng ít thì từ 10 đến 20 triệu, có lúc thì 1- 2 tỷ, đợt đầu có lãi sau đó thua lỗ. Không phải tháng nào cũng lỗ, thỉnh thoảng lỗ một vài lô là lô hàng của tháng 4, tháng 5/2011 nhưng tổng thể vẫn có lãi. Bị cáo thua lỗ từ tháng 8, tháng 9/ 2011. Bị cáo bị lỗ ở chỗ khi khách đặt hàng bị cáo mới đăng ký nhập hàng về, khi giao hàng người bán lại đẩy giá lên cao nên bị lỗ. Giá hàng bị cáo giao bằng tiền giá khi đặt hàng, khi đặt hàng

thì một giá đến khi nhập về trả khách thì phải trả giá cao, nhưng do hứa với người mua đã phải chấp nhận lỗ bán rẻ cho họ.

Bị cáo không bị lỗ khi kinh doanh quần áo, bị cáo chỉ lỗ khi kinh doanh hàng điện tử. Bị cáo chỉ khai ban đầu tại cơ quan điều tra là bị lỗ thôi không nói gì đến việc thua lỗ quần án hay kinh doanh điện tử. Toàn bộ số tiền bị hại đặt hàng Bị cáo dùng tiền đó đặt hàng hết nhưng số lượng về không đủ, giá cả tăng lên do đó phải chấp nhận nhận hàng từ T8 giá cao hơn khi đặt. Ngoài ra do khách hàng cần gấp nên có mua thêm ở ngoài thị trường để trả cho khách, nhưng chủ yếu chỉ lấy ở 1 mối là anh T8.

Tại phiên tòa bị hại là Nguyễn Hoàng T1 trình bày: Lần đầu anh đặt số lượng nhỏ do chưa có tiền và chưa tin tưởng nhau, khi đặt khoảng 10-15 ngày N1 trả lại hàng, sau đó khoảng 3-4 lần đặt hàng tin tưởng thì anh vay tiền bạn bè đặt hàng của N1. Về lô hàng đầu tiên chị N1 nói có khách mua hàng hỏi bán không thì bị hại đồng ý để N1 bán hộ. Chưa lần nào nhận được hàng mà N1 bảo có khách hàng đặt mua có bán không thì N1 bán hộ, do thấy có lãi nên bị hại đồng ý và sau đó chị N1 trả lãi số hàng đã bán đó cho bị hại, sau đó bị hại lại tiếp tục đặt hàng bao gồm cả tiền gốc và lãi ví dụ đơn hàng đầu đặt 300 triệu lãi 30 triệu thì bị hại đặt tiếp đơn hàng là 330 triệu. N1 giải trình chưa hợp lý vì không thể mua bán thua lỗ như vậy, mà thua lỗ hơn 17 tỷ như vậy là không thể xảy ra. Để thua lỗ số tiền lớn như vậy nếu lỗ 1 triệu/ chiếc thì phải có 1.700 chiếc điện thoại, trong khi đó không thể lỗ 1 triệu/ chiếc được vì khi tôi đi bán điện thoại thì chỉ lấy lãi của mỗi chiếc vài trăm ngàn. Trong khi đó thời gian kinh doanh của N1 chỉ vài tháng thì không thể xảy ra lỗ hơn 17 tỷ được lời khai của N1 không hợp lý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tội danh: Bị cáo Hà Thị N1 phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Hình phạt: Phạt bị cáo Hà Thị N1 từ 15 năm tù đến 16 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt của các bị hại (7 người), tách phần dân sự đối với Nguyễn Hoàng L2, H, Nguyễn Mạnh C để giải quyết bằng vụ án khác về phần bồi thường dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Tại phiên tòa ngày 27/11/2023 bị cáo N1 khai quá trình kinh doanh quần áo quần áo trẻ em "Shop Nhím Bông", địa chỉ tại Số B phố Đ, phường Đ, quận B, TP Hà Nội bị cáo làm ăn có lãi không bị lỗ, bị cáo nhận đặt mua điện thoại Iphone, Ipad của đối tượng tên T8 không rõ nhân thân địa chỉ để bán lại cho các bị hại và nhận góp tiền kinh doanh chung của bị hại, vay tiền của 1 số người để kinh doanh điện thoại nhưng do hàng khi nhập cao hơn khi giao hàng nên bị lỗ và thất thoát tiền của các bị hại đã đưa tiền cho bị cáo nên bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Tại phiên tòa bị cáo có nhiều lời khai khác với lời khai tại Cơ quan điều tra, sau đó lại thay đổi lời khai xác nhận lời khai tại Cơ quan điều tra là đúng (Biên bản phiên tòa) bị cáo công nhận kinh doanh quần áo là lỗ, và khai T8 không chiếm đoạt tiền của bị cáo. Lý do bị cáo thay đổi lời khai mong muốn Tòa xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

Bị cáo khai kinh doanh điện thoại máy tính xách tay không có đăng ký kinh doanh, không có hóa đơn, không có giấy giao tiền nhận hàng với người tên T8, Bị cáo đưa ra thông tin nói kinh doanh điện thoại di động vay tiền của chị L1 để mua hàng của Hải Q bắt với giá rẻ nhưng không cung cấp giấy tờ chứng minh Hải Quan thanh lý hàng hay bị cáo trúng đấu giá hàng của Hải Q, mà bị cáo khai chỉ khai từ tháng 4/2011 đến tháng 10/2011 bị cáo nhận đặt cọc mua hàng và vay để kinh doanh điện thoại máy tính của 10 người với tổng số tiền 17.575.000.000 đồng bị cáo không lý giải được trong thời gian ngắn như vậy mà thất thoát thua lỗ toàn bộ số tiền trên, trong khi tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai T8 không chiếm đoạt tiền của bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo chưa thực sự thành khẩn về việc bị cáo sử dụng số tiền trên.

Từ lời khai ban đầu của bị cáo Hà Thị N1 *(bút lục số 73-76 khai ngày 13 và 14/12/2022 khai sau khi bị cáo bị bắt truy nã*) xác định: Khoảng năm 2007-2008-2009 Hà Thị N1 có 1 cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ em tại B Đội Cấn H, tên cửa hàng N4 bông, quá trình kinh doanh bị thua lỗ, lên nảy sinh ý định nhận tiền đặt tiền mua bán điện thoại di động iPhone, máy tính để lấy tiền trả nợ. Tháng 4 năm 2011 Nga rao bán điện thoại iPhone với giá rẻ hơn giá thị trường khoảng 500.000 đồng đến 700.000 đồng để có nhiều người đặt mua. Khi có người đặt mua điện thoại di động của N1, N1 sẽ nhận đặt cọc, sử dụng tiền đặt cọc mua điện thoại của nhiều người trên để bù lỗ số tiền do kinh doanh mua bán quần áo và đặt mua điện thoại iPhone 4 của người đàn ông tên T8 không nhớ nhân thân lai lịch.

Như vậy lời khai của bị cáo N1 tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị hại đều khẳng định do bị cáo N1 kinh doanh quần áo bị thua lỗ, nên N1 nảy sinh ý định mua bán điện thoại dùng thủ đoạn gian dối tạo niềm tin bằng việc rao bán điện thoại iPhone với giá rẻ hơn giá thị trường khoảng 500.000 đồng đến 700.000 đồng để có nhiều người đặt mua, nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại. Người mua sẽ chuyển tiền đặt cọc mua điện thoại của N1 với số lượng lớn bị cáo dùng tiền để trang trải nợ và tiền cọc của người đặt điện thoại sau mua điện thoại, Ipad trả cho người đặt trước nên mất khả năng thanh toán hàng cho các bị hại. Như vậy trước khi nhận tiền của các bị hại N1 đưa ra thông tin không đúng sự thật (gian dối), bị cáo có mua (nhập) được nguồn hàng điện thoại di động iPhone, máy tính giá rẻ hơn thị trường,

kinh doanh điện thoại nhưng không có giấy phép đăng ký kinh doanh, việc bị cáo kinh doanh điện thoại là thủ đoạn của bị cáo để nhận tiền đặt mua của khách hàng.

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do kinh doanh thua lỗ Hà Thị N1 đưa ra thông tin mua bán điện thoại di động iPhone máy tính có nguồn hàng giá rẻ hơn thị trường mục đích lấy tiền trả nợ. Sau đó đặt mua hàng trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn giấy tờ, khi khách đặt mua hàng đến ngày nhận hàng đặt thì N1 không trả đủ số lượng đã nhận đặt hoặc nói với khách đặt có người mua lại rồi bán hộ trả tiền lãi cho người đặt, khách mua hàng tin tưởng đặt tiền tiếp cho N1 mua điện thoại di động iPhone máy tính…Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 11/2011, Hà Thị N1 đã có hành vi nhận góp vốn kinh doanh, nhận tiền đặt mua hàng công nghệ điện từ của hãng A2 (như: điện thoại di động Iphone 4, máy tính bảng Ipad, máy tính xách tay Macbook các loại, phụ kiện điện tử kèm theo,…) hoặc vay tiền của nhiều người quen nói kinh doanh điện thoại di động iPhone máy tính, nhằm chiếm đoạt tiền của họ. Với thủ đoạn trên, Hà Thị N1 đã chiếm đoạt tiền của 10 người với tổng số tiền là 17.575.000.000 đồng, gồm: 1.829.000.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng L2; 3.100.000.000 đồng của chị Vũ Ngọc L1; 4.579.000.000 đồng của chị Nguyễn Phương T; 940.000.000 đồng của chị Đỗ Thùy D1; 500.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Khánh V1; 500.000.000 đồng của anh Hoàng L2; 1.573.000.000 đồng của anh Nguyễn Mạnh C; 1.726.000.000 đồng của anh Diêm Minh Đ; 694.000.000 đồng của anh Đỗ Đức N và 2.134.000.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng T1. Hiện Hà Thị N1 không có khả năng khắc phục hậu quả.

Hành vi của bị cáo N1 đủ yếu tố cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng VKSND.TP Hà Nội truy tố về tội " *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là không chính xác.

Đối với 3 cá nhân là Hoàng L2, Nguyễn Hoàng L2, Nguyễn Mạnh C có đơn có lời khai trước khi khởi tố vụ án, sau khi khởi tố vụ án tại địa chỉ do các cá nhân

trên cung cấp ghi trong đơn, Cơ quan điều tra đã xác minh không có 3 cá nhân trên nên chưa đủ căn cứ xác định là bị hại trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định có 7 bị hại trong vụ án nói trên còn 3 cá nhân Hoàng L2, Nguyễn Hoàng L2, Nguyễn Mạnh C tách ra để tiếp tục điều tra.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội bị cáo thwujc hiện nhiều hành vi đối với nhiều người chiếm đoạt số tiền rất lớn (đến nay chưa khắc phục). Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với các bị hại nên phải chịu tình tiết tặng nặng phạm tội từ 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo lần đầu phạm tội nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, nên được áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định định hình phạt.

Bị cáo chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là 17.575.000.000 đồng chưa khắc phục nên cần phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[2.2] Các vấn đề khác:

Về nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo chiếm đoạt 17.575.000.000 đồng, gồm của của anh Nguyễn Hoàng L2 1.829.000.000 đồng; 3.100.000.000 đồng của chị Vũ Ngọc L1; 4.579.000.000 đồng của chị Nguyễn Phương T; 940.000.000 đồng của chị Đỗ Thùy D1; 500.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Khánh V1; 500.000.000 đồng của anh Hoàng L2; 1.573.000.000 đồng của anh Nguyễn Mạnh C; 1.726.000.000 đồng của anh Diêm Minh Đ; 694.000.000 đồng của anh Đỗ Đức N và 2.134.000.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng T1 nên phải có nghĩa vụ trả lại. Tuy nhiên trong vụ án nói trên xảy ra từ năm 2011 bị cáo N1 bỏ trốn phải truy nã, vụ án bị tạm đình chỉ, sau khi bắt được bị cáo vụ án được phục hồi, 3 cá nhân H, Nguyễn Hoàng L2, Nguyễn Mạnh C,

Cơ quan điều tra không xác định được địa chỉ do địa chỉ của 3 cá nhân cung cấp theo tài liệu điều tra ban đầu không xác định được hoặc xác minh không có vì vậy tách phần giải quyết dân sự của 3 cá nhân trên giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các cá nhân trên có đơn khởi kiện nộp cho Tòa án.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Căn cứ**: Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[2].**Tuyên bố**: Bị cáo Hà Thị N1 phạm tội *" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Phạt: Bị cáo Hà Thị N1 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt truy nã 13/12/2022.

[3].**Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật hình sự

Bị cáo Hà Thị N1 có nghĩa vụ trả cho các bị hại gồm: Trả chị Vũ Ngọc L1 3.100.000.000 đồng; Trả chị Nguyễn Phương T 4.579.000.000 đồng; Trả chị Đỗ Thùy D1 940.000.000 đồng; Trả chị Đỗ Thị Khánh V1 500.000.000 đồng; Trả anh Diêm Minh Đ 1.726.000.000 đồng; Trả anh Đỗ Đức N 694.000.000 đồng và trả anh Nguyễn Hoàng T1 2.134.000.000 đồng. (tổng số tiền phải trả là 13.673.000.000đ).

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tách phần bồi thường dân sự đối với 3 cá nhân tên Hoàng L2, Nguyễn Hoàng L2, Nguyễn Mạnh C, giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu

[4] **Về án phí**: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 121.673.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án đ-ược thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự ng-ười phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Thủy